TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 835/2023/QĐST-HNGĐ

Quận G, ngày 29 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 116, 118 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 683/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1/ Ông Trần Văn H, sinh năm 1992; Địa chỉ: Căn hộ B, chung cư H, số G - 783 đường T, khu phố D, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Nguyễn Thanh Ca D, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số A đường N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thanh Ca D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 94, do Ủy ban nhân dân phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/10/2016. Do mâu thuẫn, hôn nhân không hòa hợp, không còn tình cảm, dù đã cố gắng nhưng không giải quyết được, nên hai người yêu cầu giải quyết thuận tình ly hôn. Vì vậy ông H và bà D có đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là có cơ sở.

[2] Về con chung: Căn cứ Trích lục khai sinh (Bản sao) số: 75/TLKS-BS được Ủy ban nhân dân phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, cấp ngày 10/4/2018 và căn cứ Giấy khai sinh (Bản sao) số: 161 được Ủy ban nhân dân phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, cấp ngày 24/10/2020 có cơ sở để xác định ông H và bà D có hai con chung là Trần Phúc H1 (nam), sinh ngày 20/3/2018 và Trần Thành H2 (nam), sinh ngày 12/10/2020. Các đương sự thỏa thuận ông H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc hai con chung cho đến khi trưởng thành, bà D không cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Đương sự cùng xác nhận tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Đương sự cùng xác nhận không có.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông H và bà D phải chịu lệ phí theo quy định.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thanh Ca D thuận tình ly hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 94, do Ủy ban nhân dân phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/10/2016).
- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Văn H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai con chung tên là Trần Phúc H1 (nam), sinh ngày 20/3/2018 và Trần Thành H2 (nam), sinh ngày 12/10/2020 cho đến khi trưởng thành. Bà Nguyễn Thanh Ca D không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự cùng xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí về việc hôn nhân gia đình là 300.000 đồng, ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thanh Ca D phải chịu. Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thanh Ca D đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0037533 ngày 14/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000000780712 ngày 14/11/2023, đơn vị nhận tiền Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, số tài khoản 3949.0.1053934.00000 tại Kho bạc nhà nước Q, Thành phố Hồ Chí Minh và Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 731/TB-TA ngày 14/11/2023; Mã thông báo: W1141PMZUA. Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thanh Ca D đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

THẨM PHÁN

Bùi Thi Tố N